

Bản án số: **46/2025/HSST**

Ngày: 29/07/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Như Hùng

2. Bà Chu Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà My - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/HSST ngày 11 tháng 07 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2025 đối với bị cáo:

LÊ TIẾN Đ, giới tính: Nam, sinh năm 1991 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 205, Nhà 6A, Tập thể Đại học Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội; Chỗ ở: Số 30 hẻm 358/40/72 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội nay là phường Khương Đình, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Th N và bà Nguyễn Thị S (đã chết); Có vợ là Bùi Thùy L (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Ngày 04/03/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 05 năm về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (đến thời điểm phạm tội chưa xóa án tích); Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 31/03/2011, bị xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe, tính mạng người khác (đã hết thời hiệu); Ngày 15/04/2022, Toà án nhân dân quận Thanh Xuân xử phạt 29 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (hành vi phạm tội xảy ra ngày 01/05/2021, sau thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này); Ngày 23/06/2025, Toà án nhân dân huyện Thường Tín xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 05/03/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02, Công an thành phố Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 36 ngõ 250 phố Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội (nay là phường Khương Đình, Hà Nội) - Có mặt

2. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 18 Gia Ngư, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm (nay là phường Hoàn Kiếm), Hà Nội - Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Th L, sinh năm 1999 - Có mặt

Địa chỉ: Số 195 ngõ 13 Lĩnh N, phường Mai Động, quận Hoàng Mai (nay là phường Vĩnh Tuy), Hà Nội

2. Anh Đặng Văn N, sinh năm 1988 - Vắng mặt

Địa chỉ: Số 9/93 Quan Hoa, phường Cầu Giấy, Hà Nội

3. Anh Tạ Chí T, sinh năm 1989 - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Cao Xá, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức (nay là xã An Khánh), Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua quan hệ xã hội, Lê Tiến Đ biết chị Nguyễn Hồng L và anh Trần Thế G. Khoảng đầu tháng 8/2017, Đ nghe được thông tin chị L đang nợ tiền nhiều người, trong đó có anh G và bị một số người đến đòi nợ nên Đ nảy sinh ý định đến nhà chị L, nói dối là anh G nhờ đến đòi tiền, mục đích đe dọa chị L phải đưa tiền cho Đ rồi chiếm đoạt, sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau đó, Đ nhiều lần tìm đến nhà chị L nhưng không gặp.

Khoảng 22 giờ ngày 15/08/2017, sau khi uống rượu say, Đ đến nhà chị L tại số 26 ngõ 250 Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Khoảng 0 giờ ngày 16/08/2017, khi Đ đến thì nhà chị L đã tắt điện đi ngủ. Đ đứng ở dưới gọi “L ơi, L ơi” nhưng không ai trả lời, Đ đi lại gần cửa, do trời tối nên đá vào xoong nồi, bát đĩa phát ra tiếng kêu loảng xoảng. Đ dùng tay đập mạnh vào cửa sắt tầng 1 và gọi. Lúc đó, L ra ban công tầng 2, Đ chửi bới và yêu cầu mở cửa nói chuyện, chị L dọa gọi điện báo công an thì Đ chửi “mày báo công an đi, địt mẹ mày cướp tiền của anh tao à, mày xuống đây nói chuyện”. Sợ Đ đập phá đồ đạc nên chị L xuống mở cửa cho Đ vào nhà. Khi đó có con, cháu chị L xuống cùng. Đ đe dọa chị L “nhà có người già, trẻ con, tao không muốn đi lại nhiều, mày xem thu xếp tiền trả cho anh G “đen” không thì mày gọi điện cho anh ấy”. Biết Đ là đối tượng nhiều tiền án tiền sự và nghe nói thình thoảng ngáo đá nên mặc dù không nợ tiền anh G nhưng chị L vẫn hỏi “em nợ anh G bao nhiêu tiền hả anh”. Đ nghĩ có thể chị L nợ tiền anh G thật nên nói “cái này tao không biết, mày gọi cho anh G”. L

xin số của anh G nhưng Đ không có nên không cho L. Đ tiếp tục đe dọa L “đồng tiền của ai cũng là tiền xương máu, kể cả tiền sida cũng phải trả”. Sợ Đ không về nên L nhờ em họ sang nhà dì ruột vay tiền đưa cho Đ. Sau khi vay được tiền, L đưa cho Đ 2.000.000 đồng. Đ cầm tiền và bảo L phải tiếp tục thu xếp để trả tiếp. Do sợ Đ nên chị L hứa hẹn 3 ngày sau sẽ đưa thêm 5.000.000 đồng thì Đ đồng ý và bỏ đi. Chị L không báo công an. Số tiền này Đ đã tiêu xài hết.

Ngày 18/08/2017, Đ tiếp tục gọi điện cho chị L đòi tiền và hẹn chiều qua lấy. Lúc này chị L ra Công an phường Khương Trung trình báo. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ đến nhà chị L tại số 36, ngõ 250 Khương Trung và ngồi đợi L đến 16 giờ cùng ngày thì chị L về. Lúc đó có mẹ đẻ và dì chị L ở đó. Chị L nói với Đ “thật ra em không nợ tiền anh nhưng vì sợ anh nên em phải đưa tiền cho anh”. Nói xong chị L lấy số tiền 5.000.000 đồng đưa cho Đ, Đ giật lấy tiền rồi cất vào túi quần, đi bộ ra đến đầu ngõ 250 phố Khương Trung thì bị Công an phường Khương Trung kiểm tra hành chính, đưa về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra, ban đầu Đ không thừa nhận hành vi phạm tội và khai đòi nợ hộ Trần Thế G. Đến khi cơ quan điều tra khởi tố bị can, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu ở trên.

Về dân sự: Chị Nguyễn Hồng L yêu cầu Đ phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 19 giờ 30 ngày 13/11/2020, anh Nguyễn Quang T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty màu trắng, BKS 29C1 - 883.83 đến nhà Đ uống rượu. Lúc này nhà Đ có Đ và bạn gái Đ là Đặng Ngọc T. Sau khi uống rượu xong, Đ mượn chìa khoá xe của anh T đi có việc. Đ điều khiển xe của anh T sang nhà anh Trương Đức Cảnh ở Hạ Đình, Thanh Xuân để vay tiền. Đ để xe ở đầu ngõ và vào gặp anh C vay tiền nhưng anh C không cho vay nên Đ ra về. Khi Đ ra lấy xe thì có một người đàn ông đang đứng xem chiếc xe của Đ và hỏi có bán xe không. Do đang cần tiền nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh T và đồng ý bán. Người này xem xe và trả giá 7.000.000 đồng. Đ nhận 7.000.000 đồng và giao xe, chìa khoá, giấy tờ đăng ký để trong cốp xe cho anh ta. Do người này đeo khẩu trang nên Đ không nhận dạng được. Sau đó Đ đi bộ về nhà và nói dối anh T là đã mang xe đi cầm cố. Đ hứa hẹn sau một ngày sẽ lấy xe về trả anh T. Tuy nhiên sau đó Đ trốn tránh nên anh T đã đến cơ quan Công an trình báo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 202 ngày 12/10/2023 Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự quận Thanh Xuân kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty màu trắng, BKS29C1 - 883.83, số máy:M389M526886, số khung: ZAPM671000000178 thời điểm tháng 11/2020 trị giá 15.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Lê Tiến Đ khai nhận về hành vi chiếm đoạt tài sản của anh T như đã nêu ở trên.

Quá trình điều tra xác định được: Anh Tạ Chí Th là thợ mua bán xe máy cũ tại chợ xe máy Chùa Hà - Dịch Vọng đã mua chiếc xe trên của một người đàn ông

40 - 45 tuổi (không rõ nhân thân, không phải Lê Tiến Đ) ngày 24/02/2022 với giá 10.500.000 đồng, sau đó bán lại cho anh Đặng Văn N với giá 11.500.000 đồng. Sau khi mua, anh N bán lại cho anh Phạm Thanh L với giá 17.700.000 đồng. Anh L khai mua chiếc xe máy trên tại cửa hàng của anh N với giá 22.500.000 đồng. Ngày 05/03/2022, anh L được Công an quận Hoàng Mai cấp Giấy đăng ký xe. Anh sử dụng xe đến ngày 29/10/2024 thì được Cơ quan Công an thông báo chiếc xe trên là xe tang vật của vụ án nên anh đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận giám định số 8071/KL-KTHS ngày 19/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio màu trắng, BKS 29C1 - 883.83, số máy: M389M526886, số khung: ZAPM671000000178 là số nguyên thủy.

Anh Nguyễn Quang T yêu cầu được nhận lại tài sản.

Anh Phạm Thanh L yêu cầu anh Đặng Văn N bồi thường số tiền 22.500.000 đồng bỏ ra mua xe, anh N yêu cầu anh Tạ Chí Th phải bồi thường cho anh N số tiền 11.500.000 đồng, anh N chỉ đồng ý bồi thường cho anh L khi nhận được tiền bồi thường từ anh Th, anh Th chỉ đồng ý bồi thường cho anh N khi cơ quan điều tra làm rõ được người bán xe cho anh và người này trả lại cho anh số tiền anh bỏ ra mua xe là 10.500.000 đồng

Tại bản cáo trạng số 13/CT - VKSTX ngày 09 tháng 07 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội truy tố Lê Tiến Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Tiến Đ từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Tiến Đ từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt theo định tại Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội là từ 39 đến 48 tháng tù. Do bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” trong thời gian thử thách của bản án số 81/2014/HSST ngày 04/03/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 30 tháng tù của bản án đã cho hưởng án treo, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 69 đến 78 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho chị Nguyễn Hồng L số tiền 2.000.000 đồng (số tiền 5.000.000 đồng còn lại, chị L được nhận khi xử lý vật

chứng); Buộc anh Tạ Chí Th phải bồi thường cho anh Đặng Văn N số tiền 11.500.000 đồng, anh Đặng Văn N phải bồi thường cho anh Phạm Thanh L số tiền 17.700.000 đồng đã bỏ ra mua chiếc xe Piaggio BKS 29C1 - 883.83; Giành quyền khởi kiện đòi số tiền 10.500.000 đồng của anh Tạ Chí Th bằng vụ án dân sự khác khi có căn cứ; Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo phải truy nộp số tiền 7.000.000 đồng thu lợi bất chính; Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại anh Nguyễn Quang T 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio màu trắng, BKS 29C1 - 883.83, số máy: M389M526886, số khung: ZAPM671000000178, trả lại chị Nguyễn Hồng L số tiền 5.000.000 đồng; Tịch thu tiêu huỷ 01 Giấy chứng nhận mô tô, xe gắn máy số 015354 do Công an quận Hoàng Mai cấp ngày 05/03/2022; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215 màu đen; Tịch thu tiêu huỷ sim điện thoại số 01223118899

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đ thừa nhận nội dung, tội danh cáo trạng Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng

- Người bị hại: Đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 7.000.000 đồng

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Phạm Thanh L yêu cầu anh Đặng Văn N hoàn trả số tiền bỏ ra mua xe là 17.700.000 đồng

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Về các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Xuân nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội thu thập; về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập, thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Trong các ngày 16/08/2017 và 18/08/2017, Lê Tiến Đ sau khi nghe được thông tin chị Nguyễn Hồng L đang nợ tiền nhiều người trong đó có anh Trần Thế G, đã đến nhà chị L nói dối đòi nợ thay anh G để đe dọa, chửi bới chị

L, làm chị L lo sợ, phải đưa cho Đ tổng số tiền 7.000.000 đồng. Trong đó, ngày 16/08/2017 đưa số tiền 2.000.000 đồng, ngày 18/08/2017 đưa 5.000.000 đồng. Đối chiếu quy định của pháp luật, Lê Tiến Đ đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự

Ngoài ra, ngày 13/11/2020, Đ mượn của anh Nguyễn Quang T 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio màu trắng, BKS 29C1 - 883.83 có giá trị 15.000.000 đồng tại số 30 hẻm 358/40/72 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, sau đó tự ý đem bán cho người khác lấy tiền chi tiêu cá nhân, không có khả năng trả lại tài sản. Đối chiếu quy định của pháp luật, Đ đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo các tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Đối với anh Trần Thế G, qua xác minh, anh G không cho chị Nguyễn Hồng L vay tiền và không nhờ Đ đến nhà chị L đòi nợ thay nên không có căn cứ xác định anh G có vai trò đồng phạm trong vụ án

Đối với các anh Tạ Chí Th, Đặng Văn N, Phạm Thanh L là những người mua, bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio, BKS 29C1 - 883.83 mà Đ chiếm đoạt của anh T, do những người này khi mua bán không biết nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

[3]. Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng chống tội phạm, trong đó có tội xâm phạm sở hữu, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có 01 tiền án năm 2014 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời điểm phạm tội lần này, án tích chưa được xóa nên phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm”.

Đối với án tích năm 2022 xét xử bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 01/05/2021, sau thời điểm thực hành vi phạm tội này nên không phải căn cứ để tính “tái phạm” hay “tái phạm nguy hiểm”.

Bản án ngày 23/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín xét xử bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 05/03/2025 chưa có hiệu lực pháp luật nên không có căn cứ để tổng hợp với hình phạt của bản án này.

Ngoài ra, trong các ngày 15/08/2017 và ngày 18/08/2017, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*”

Để cải tạo, giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe người khác, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết: *Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải* để giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của bản án số 81/2014/HSST ngày 04/03/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nên căn cứ khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6]. Về dân sự: Người bị hại - chị Nguyễn Hồng L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 đồng. Xét thiệt hại của chị L là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần buộc bị cáo phải bồi thường. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo chiếm đoạt của chị L nên cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho chị L số tiền 2.000.000 đồng

Anh Phạm Thanh L giao nộp chiếc xe mô tô Piaggio, BKS 29C1 - 883.83 cho cơ quan điều tra và yêu cầu anh Đặng Văn N hoàn trả số tiền số tiền đã bỏ ra mua xe là 17.700.000 đồng. Theo lời khai của anh N, anh mua xe của anh Tạ Chí Th với giá 11.500.000 đồng. Sau khi mua, anh bán cho anh L 17.700.000 đồng, nay anh chỉ đồng ý hoàn trả anh N số tiền 17.700.000 đồng nếu anh N trả lại cho anh số tiền anh đã bỏ ra mua xe; anh Tạ Chí Th thừa nhận sau khi mua chiếc xe trên của một người không quen biết với giá 10.500.000 đồng, anh đã bán lại cho anh N với giá 11.500.000 đồng. Các anh Th, N, Liêm khẳng định không mua xe của bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường do đó không có căn cứ buộc bị cáo phải hoàn trả tiền mua xe cho những người này.

Xét khi mua xe, các anh Th, N, L không biết đây là tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nên giao dịch giữa các bên là giao dịch dân sự. Anh Th, anh N không xuất trình được giấy tờ chứng minh giá trị giao dịch nhưng cả hai bên đều thừa nhận số tiền anh N trả anh Th là 11.500.000 đồng, do đó có căn cứ buộc anh Th hoàn lại cho anh N số tiền 11.500.000 đồng; Tại phiên toà, anh L xác nhận anh mua chiếc xe trên tại cửa hàng do anh N làm chủ với giá 17.700.000 đồng, phù hợp với lời khai của anh N về số tiền mua bán giữa các bên nên cần buộc anh N có trách nhiệm hoàn trả anh Liêm số tiền này.

Đối với anh Tạ Chí Th, anh Th khai mua chiếc xe trên với giá 10.500.000 đồng nhưng không xác định được nhân thân, địa chỉ của người bán, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh giao dịch giữa các bên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh Th. Khi nào có chứng cứ chứng minh, anh Th có quyền khởi kiện đòi lại số tiền bỏ ra mua xe bằng vụ án dân sự khác.

[7]. Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 7.000.000 đồng bị cáo thu được từ việc bán xe của anh T, xét đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải truy nộp sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự.

[8]. Về vật chứng: Khi bắt giữ bị cáo, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp sim số 01223118899 và số tiền 5.000.000 đồng; Thu giữ của anh Phạm Thanh L 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio màu trắng, BKS 29C1 - 883.83, số máy: M389M526886, số khung: ZAPM671000000178, 01 Giấy chứng nhận mô tô, xe gắn máy số 015354 do Công an quận Hoàng Mai cấp ngày 05/03/2022

Đối với số tiền 5.000.000 đồng là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Hồng L, bị bị cáo chiếm đoạt nên cần trả lại cho chị L số tiền này.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Piaggio màu trắng, BKS 29C1 - 883.83 là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Quang T nên cần trả lại anh T chiếc xe này

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia, xét đây là tài sản bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 sim điện thoại số thuê bao 01223118899 cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật

Đối với Giấy chứng nhận mô tô, xe gắn máy số 015354 do Công an quận Hoàng Mai cấp ngày 05/03/2022 cho anh Phạm Thanh L, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Th, anh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Tiến Đ phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, Điều 55, Điều 56, Điều 47 Bộ luật hình sự

- Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[1]. Xử phạt: Lê Tiến Đ 28 (hai mươi tám) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 46 (bốn mươi sáu) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù của bản án số 81/2014/HSST ngày 04/03/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 76 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2]. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Hồng L số tiền 2.000.000 đồng (số tiền 5.000.000 đồng còn lại, chị L được nhận khi xử lý vật chứng).

Buộc anh Tạ Chí Th phải hoàn trả anh Đặng Văn N số tiền 11.500.000 đồng; Buộc anh Đặng Văn N phải hoàn trả anh Phạm Thanh L số tiền 17.700.000 đồng.

Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 10.500.000 đồng của anh Tạ Chí Th.

[3]. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo phải truy nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng

[4]. Về vật chứng (hiện đang lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội theo Giấy nộp tiền ngày 27/02/2025 và Biên bản giao nhận vật chứng giữa các bên):

- Trả lại chị Nguyễn Hồng L số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) thu giữ của bị cáo

- Trả lại anh Nguyễn Quang T 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio màu trắng BKS 29C1 - 883.83, số máy: M389M526886, số khung: ZAPM671000000178 thu giữ của anh Phạm Th Liêm

- Tịch thu tiêu huỷ 01 Giấy chứng nhận mô tô, xe gắn máy số 015354 do Công an quận Hoàng Mai cấp ngày 05/03/2022 cho anh Phạm Thanh L

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 215 màu đen; Tịch thu tiêu huỷ 01 sim điện thoại số 01223118899

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; anh Tạ Chí Th, anh Đặng Văn N, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại - chị Nguyễn Hồng L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại - anh Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Phạm Thanh L có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày tuyên án sơ thẩm

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Tạ Chí Th, anh Đặng Văn N
có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của
mình trong hạn 15 ngày tuyên án sơ thẩm

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng,
- VKSND khu vực 2- Hà Nội
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Hà Nội
- Công an thành phố Hà Nội,
- TAND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Diệu Thúy